

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày
30 tháng 06 năm 2022**

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
3.1 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
3.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (Công ty được thành lập theo quyết định số 146/QĐ-UBT ngày 28 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai). Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Lần thay đổi Giấy chứng nhận đầu tư gần đây nhất của Công ty là lần thứ 6 vào ngày 08 tháng 09 năm 2020.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06:

Vốn điều lệ : 1.143.000.000.000 VND

Chủ sở hữu công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 126 Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 6 297 663 Fax : (0251) 3 899 135

Email : thuyloidongnai@gmail.com Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 3 2 3 0

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư bao gồm:

- Bán buôn xe máy, bảo dưỡng xe máy, bán buôn phụ tùng xe máy
- Lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi
- Giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng. Quản lý dự án công trình thủy lợi
- Cấp nước, tưới tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp
- Quản lý và khai thác nước ngầm. Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt
- Dịch vụ du lịch sinh thái
- Cho thuê mặt nước (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Nuôi trồng thủy sản
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi.
- Xây dựng công trình dân dụng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty là khai thác, cung cấp nước cho hoạt động nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

126 Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo của ban giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo Tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên:

	<u>Chức vụ</u>
Bà Tạ Thị Thúy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Vũ	Thành viên chuyên trách

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>
Ông Dương Xuân Sơn	Giám đốc
Ông Lê Xuân Toàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Kiểm soát viên chuyên trách

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc - Ông Dương Xuân Sơn

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Hồ chí Minh Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT đã soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo Tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

126 Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo của ban giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo Tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo Tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo Tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo Tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo Tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo Tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

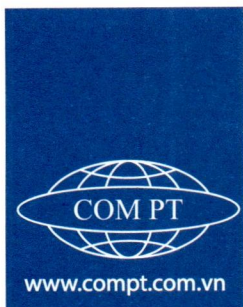
Thay mặt Ban Giám đốc



Dương Xuân Sơn

Giám đốc

Biên Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2022



AUDITING, INVESTMENT, FINANCE, TAX
ACCOUNTING, CONSULTANCY

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính:

Số 32 Ngõ 203 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3564 0218 | Fax: (024) 6251 7402

Chi nhánh tại TP.HCM: 59 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (028) 6292 7175 - 6292 7176 | Fax: (028) 6292 7179

Số : 068.TC/2022/COM.PT-hcm

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi :

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 7 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Thuyết minh Báo cáo Tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo Tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 22/2022/BCKiT - HVAC ngày 04 tháng 03 năm 2022 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến tiền mặt, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty vì lý do Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê, kiểm quỹ vào ngày 31/12/2021.

**CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT**



[Handwritten signature in blue ink]

Lê Tuấn Sơn - Phó Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1237-2020-069-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.937.130.011	93.087.788.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.514.900.645	39.052.304.790
1 Tiền	111	V.1	37.514.900.645	39.052.304.790
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.654.489.635	53.513.783.068
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.434.374.597	4.680.755.174
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	47.998.542.737	48.877.828.737
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	295.490.038	29.116.894
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(73.917.737)	(73.917.737)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		767.739.731	521.700.849
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	327.419.580	521.700.849
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		440.320.151	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.291.911.507.562	1.245.689.570.579
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.113.129.789.271	742.178.816.387
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.113.129.789.271	742.178.816.387
- Nguyên giá	222		1.123.199.778.984	752.161.274.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.069.989.713)	(9.982.458.597)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		178.781.718.291	503.510.754.192
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	178.781.718.291	503.510.754.192
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.382.848.637.573	1.338.777.359.286

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.658.275.532	71.845.392.977
I. Nợ ngắn hạn	310		61.185.029.196	65.096.675.294
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	3.204.749.219	4.428.092.669
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.075.000	925.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	877.964.629	1.296.457.139
4 Phải trả người lao động	314		3.091.968.332	5.488.201.312
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	2.345.394.062	53.046.033
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12.1	700.000.000	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	48.366.410.977	48.729.048.000
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	2.588.466.977	5.100.905.141
II. Nợ dài hạn	330		6.473.246.336	6.748.717.683
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.12.2	6.473.246.336	6.748.717.683
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.315.190.362.041	1.266.931.966.309
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.315.190.362.041	1.266.931.966.309
1 Vốn góp của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]	411	V.14	1.130.471.648.667	759.194.656.667
2 Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	4.058.473.389	4.058.473.389
3 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	3.010.744.394	1.740.249.262
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.14	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	V.14	3.010.744.394	1.740.249.262
6 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.14	177.649.495.591	501.938.586.991
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.382.848.637.573	1.338.777.359.286

Biên Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2022


Phạm Thị Hà
Người lập biểu


Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng


Dương Xuân Sơn
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22.951.367.474	23.264.402.646
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.951.367.474	23.264.402.646
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	VI.2	14.357.712.565	14.562.742.333
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.593.654.909	8.701.660.313
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	177.133.832	178.092.144
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	5.692.049.929	5.682.759.674
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.078.738.812	3.196.992.783
11 Thu nhập khác	31	VI.5	684.691.681	107.952.354
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác	40		684.691.681	107.952.354
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.763.430.493	3.304.945.137
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	752.686.099	660.989.027
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		3.010.744.394	2.643.956.110

Biên Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2022



Phạm Thị Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Đơn vị tính: VND				
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		3.763.430.493	3.304.945.137
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		326.019.116	410.990.763
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(185.998.832)	(178.092.144)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.903.450.777	3.537.843.756
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(71.437.371)	1.159.910.081
- Tăng hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(189.286.512)	1.269.883.522
- Giảm chi phí trả trước	12		194.281.269	5.394.857
- Tăng chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.014.640.714)	(313.204.010)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		9.500.000	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.524.938.164)	(2.296.234.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		306.929.285	3.373.594.168
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(290.083.000)	(448.137.280)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.865.000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		177.133.832	178.092.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(104.084.168)	(270.045.136)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.740.249.262)	(1.523.571.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.740.249.262)	(1.523.571.173)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.537.404.145)	1.579.977.859
Tiền đầu kỳ	60	V.1	39.052.304.790	34.692.829.289
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền cuối kỳ	70	V.1	37.514.900.645	36.272.807.148

Biên Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2022



Phạm Thị Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin Đăng ký kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (Công ty được thành lập theo quyết định số 146/QĐ-UBT ngày 28 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai). Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Lần thay đổi Giấy chứng nhận đầu tư gần đây nhất của Công ty là lần thứ 6 vào ngày 08 tháng 09 năm 2020.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06:

Vốn điều lệ: 1.143.000.000.000 VND

Chủ sở hữu công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 126 Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 6 297 663

Fax : (0251) 3 899 135

Email : thuyloidongnai@gmail.com

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 3 2 3 0

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư bao gồm:

- Bán buôn xe máy, bảo dưỡng xe máy, bán buôn phụ tùng xe máy
- Lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi
- Giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng. Quản lý dự án công trình thủy lợi
- Cấp nước, tưới tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp
- Quản lý và khai thác nước ngầm. Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt
- Dịch vụ du lịch sinh thái
- Cho thuê mặt nước (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Nuôi trồng thủy sản
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi.
- Xây dựng công trình dân dụng

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc**

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Tạ Thị Thúy	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Vũ	Thành viên chuyên trách

Ban Giám đốc

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Dương Xuân Sơn	Giám đốc
Ông Lê Xuân Toàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Kiểm soát viên chuyên trách

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc - Ông Dương Xuân Sơn

4. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty là khai thác, cung cấp nước cho hoạt động nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 Công ty có 113 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2021 có 113 nhân viên đang làm việc).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kết toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Số năm khấu hao năm nay</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	07 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Các tài sản sau đây của Công ty không phải trích khấu hao theo quy định tại điều 1, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính:

- Tài sản cố định là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ, đập, kênh, mương).
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình mua sắm, xây dựng, lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn Chủ sở hữu

Vốn góp của Chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : Vốn Ngân sách Nhà nước cấp được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư và do doanh nghiệp tự bổ sung.
- Vốn khác : hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Quỹ của Công ty và nộp cho cơ quan cấp trên theo quy định của Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi có quyết định của Chủ sở hữu.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập (tiếp theo)**

Cụ thể:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)*****Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - * Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - * Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Công cụ tài chính***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	177.718.564	530.264.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.337.182.081	38.522.040.269
Cộng	37.514.900.645	39.052.304.790

2. Phải thu của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
<i>Phải thu ngắn hạn</i>		
- BQLDA huyện Long Thành	12.072.000	12.072.000
- Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	236.853.597	681.242.619
- Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới	2.995.417.530	2.805.652.080
- Công ty TNHH VeDan Vietnam	561.451.770	580.151.565
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	482.204.205	458.007.480
- BQLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tp. Hồ Chí Minh	112.336.700	112.336.700
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại 407	34.038.795	31.292.730
Cộng	4.434.374.597	4.680.755.174

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2022	01/01/2022
<i>Trả trước ngắn hạn</i>		
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và XD Nam Thành	247.486.800	328.000.000
- BQL Dự án NN & PTNT Đồng Nai	73.917.737	73.917.737
- Công ty CP Chế tạo bơm Hải Dương	3.500.000.000	3.500.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	27.587.482.000	27.587.482.000
- Công ty TNHH MTV Thịnh Toàn Phúc	443.055.000	443.055.000
- Công ty TNHH SX-XD - TM-DV Thiên Phước	2.880.609.000	2.880.609.000
- Công ty TNHH TV KT XD Đồng Nai	11.711.501.000	13.252.442.000
- Công ty TNHH Đo đạc và XD Nam Việt Phát	71.590.200	5.863.000
- Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất tỉnh Đồng Nai	7.000.000	7.000.000
- Trung tâm PTQĐ Huyện Tân Phú	150.000.000	150.000.000
- Trung tâm PTQĐ Huyện Định Quán	-	649.460.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và XD Thủy Nguyên 2	225.972.000	
- Cty TNHH TV XD Sông Đà	337.000.000	

3.	Trả trước cho người bán (tiếp theo)	30/06/2022	01/01/2022			
	- Công ty TNHH MTV XD Kiến Thiện Nhân Happy House	40.000.000				
	- Công ty CP Giáo Dục Sắc việt	413.250.000				
	- Công ty TNHH Xây Dựng Khánh Hùng	210.069.000				
	- Công Ty TNHH MTV Thanh Nhân Phát	83.000.000				
	- Cty TNHH XD Hoàng Quân Phát	16.610.000				
	Cộng	47.998.542.737	48.877.828.737			
4.	Phải thu khác	30/06/2022	01/01/2022			
	Phải thu ngắn hạn					
	- BHXH	8.980.038	15.116.894			
	- Tạm ứng của nhân viên	286.510.000	14.000.000			
	Cộng	295.490.038	29.116.894			
5.	Chi phí trả trước					
		01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2022	
	Công cụ, dụng cụ	521.700.849	-	194.281.269	327.419.580	
	Cộng	521.700.849	-	194.281.269	327.419.580	
6.	Tài sản cố định hữu hình					
		Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Nguyên giá					
	Ngày 01/01/2022	746.747.727.277	3.514.000.107	1.277.627.500	621.920.100	752.161.274.984
	Tăng từ đầu tư XDCBDD	333.862.830.000				333.862.830.000
	Tăng khác	37.414.162.000	353.562.000	60.000.000	60.000.000	37.887.724.000
	Giảm khác	(473.562.000)				(473.562.000)
	Giảm do thanh lý	-	-	-	(238.488.000)	(238.488.000)
	Ngày 30/06/2022	1.117.551.157.277	3.867.562.107	1.337.627.500	443.432.100	1.123.199.778.984
	Hao mòn lũy kế					
	Ngày 01/01/2022	7.700.291.036	1.041.909.928	808.300.502	431.957.131	9.982.458.597
	Khấu hao	124.555.212	167.495.839	65.853.372	21.475.268	379.379.691
	Giảm do thanh lý	-			(238.488.000)	(238.488.000)
	Tăng khác	-	72.761.619		94.439.002	167.200.621
	Giảm khác	(220.561.196)			-	(220.561.196)
	Ngày 30/06/2022	7.604.285.052	1.282.167.386	874.153.874	309.383.401	10.069.989.713

6. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2022	738.776.431.060	2.717.534.360	529.327.000	155.523.967	742.178.816.387
Ngày 30/06/2022	1.109.946.872.225	2.585.394.721	463.473.626	134.048.699	1.113.129.789.271

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản gồm:

- Mua sắm TSCĐ

-

-

- Đầu tư xây dựng cơ bản

178.781.718.291

503.510.754.192

Cộng

178.781.718.291

503.510.754.192

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản gồm:

	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2022
Đầu tư xây dựng cơ bản:				
- Trạm bơm Đắc Lua	8.092.668.781	6.488.117.400	-	14.580.786.181
- Hồ chứa nước Gia Măng -2008	309.201.921.301	745.924.699	309.947.846.000	-
- Cải tạo sửa chữa Hồ Sông Mây	1.574.553.000	-	-	1.574.553.000
Nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+000 đến K7+50	948.844.000	27.903.000		976.747.000
Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	939.023.000	383.239.000		1.322.262.000
Sửa chữa hồ Núi Le	5.013.486.000			5.013.486.000
- Sửa chữa NV lòng hồ suối Vọng	23.716.748.000	198.236.000	23.914.984.000	-
- Kiên cố kênh chính hồ Bà Long	2.261.875.000			2.261.875.000
- Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	149.901.534.110	1.389.664.000		151.291.198.110
Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Đô, huyện Tân Phú	1.182.946.000	577.865.000		1.760.811.000
- TS NC HTGT Nội Đồng Đập Năm Sao	677.155.000	3.860.000	681.015.000	-
Cộng	503.510.754.192	9.814.809.099	334.543.845.000	178.781.718.291

8. Phải trả người bán	30/06/2022	01/01/2022
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
- Văn phòng Công ty	12.072.000	12.072.000
- Chi Nhánh Tân Phú - Cty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Đo Dạc Đại Thành	244.367.000	244.367.000
- Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Quân Phát	9.097.000	196.377.700
- Công ty Cổ Phần - Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai		332.123.000
- Công ty TNHH MTV Việt Toàn		4.048.000
- Trạm Xuân Lộc		160.180.376
- Công ty TNHH Ninh Thịnh	4.378.000	90.695.450
- Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Tân Phú Thạnh	104.983.000	104.983.000
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí và Xây dựng Thủy Nguyên 2	5.860.000	140.478.000
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoàng Tuyên Phát	141.262.669	351.051.669
- CN Công Ty CP Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi và Cơ sở Hạ Tầng Hải Dương	97.227.000	32.036.000
- Công ty TNHH Tân Phong ĐN	48.844.000	48.844.000
- Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây dựng Nam Thành	498.733.000	263.180.000
- Công Ty TNHH Tư Vấn Xd Tấn Phát Đạt		4.433.000
- Công Ty TNHH Long Thiên Hải		1.415.000
- Công Ty TNHH Mtv Trang Quốc Thịnh		24.186.624
- Công Ty TNHH Xây Dựng Khánh Hùng	66.933.150	83.745.150
- Công Ty TNHH Xây Lắp Trường An	1.055.400.000	1.055.400.000
- Cty TNHH Mtv Nước & Môi Trường Bình Minh	354.912.000	354.912.000
- Tổng Công ty TV XD Thủy Lợi Việt Nam -CTCP	350.118.400	350.118.400
- Viện Kỹ Thuật Biển	180.243.000	
- Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Thủy Điện Nam Việt	30.319.000	-
- Công ty TNHH ĐTXD Mạnh Lâm	-	20.916.300
- Công ty TNHH Xăng Dầu Chánh Minh		122.844.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đồng Nai		266.132.000
- Văn phòng Đăng ký Quyền Sử dụng Đất tỉnh Đồng Nai		135.755.000
- Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Thủy Lợi II		19.950.000
- Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây dựng Kiên Hà		7.849.000
Cộng	3.204.749.219	4.428.092.669

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	30/06/2022
Thuế GTGT	229.702.991	1.049.382.122	1.138.521.103	140.564.010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	814.640.714	752.686.099	1.014.640.714	552.686.099
Thuế thu nhập cá nhân	2.960.594	1.201.626.571	1.644.907.316	(440.320.151)
Thuế tài nguyên	249.152.840	1.362.676.080	1.427.114.400	184.714.520
Thuế nhà đất	-	46.097.100	46.097.100	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.296.457.139	4.415.467.972	5.274.280.633	437.644.478

Trong đó:

Thuế nộp thừa	-	440.320.151
Thuế còn phải nộp	1.296.457.139	877.964.629

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Hoạt động cung cấp sp dv công ích thủy lợi	Không chịu thuế
- Hoạt động cung cấp nước công nghiệp và sinh hoạt	5%
- Hoạt động khác	8% -10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.14 và thuyết minh VI.6

Thuế Tài Nguyên

- Hoạt động khai thác nước mặt	1-3%
--------------------------------	------

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
- Trích trước chi phí sửa chữa, nguyên liệu, kiểm định an toàn các công trình...	2.345.394.062	53.046.033
Cộng	2.345.394.062	53.046.033

11.	Phải trả khác	30/06/2022	01/01/2022			
	Phải trả ngắn hạn					
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
	- Trạm bơm Đắc Lua	15.902.042.800	17.523.497.000			
	- Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	30.738.345.000	31.117.551.000			
	- Nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+000 đến K7+500, huyện Nhơn Trạch	337.000.000	-			
	- Nhận ký quỹ, ký cược	84.000.000	87.000.000			
	- Thuế TNCN	8.097.075				
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.296.926.102	1.000.000			
	Cộng	48.366.410.977	48.729.048.000			
12.	Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2022	01/01/2022			
12.1	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	700.000.000	-			
12.2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	6.473.246.336	6.748.717.683			
	Cộng	7.173.246.336	6.748.717.683			
13.	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi					
		01/01/2022	Trích lập	Chi trong năm	30/06/2022	
	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	5.100.905.141		2.512.438.164	2.588.466.977	
	Cộng	5.100.905.141	-	2.512.438.164	2.588.466.977	
14.	Vốn chủ sở hữu					
	Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu					
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	Ngày 01/01/2021	724.528.719.667	1.940.904.533	496.276.824.243	1.523.571.173	1.224.270.019.616
	Tăng vốn đầu tư CSH	34.665.937.000			-	34.665.937.000
	Tăng khác		-			
	Nộp NS lợi nhuận	-	-	-	(1.523.571.173)	(1.523.571.173)
	Trích các quỹ	-	2.117.568.856	-	(5.318.313.592)	(3.200.744.736)
	Lợi nhuận sau thuế Năm 2021	-	-	-	7.058.562.854	7.058.562.854
	Ngân sách cấp, quyết toán dự án	-	-	5.661.762.748	-	5.661.762.748
	Ngày 31/12/2021	759.194.656.667	4.058.473.389	501.938.586.991	1.740.249.262	1.266.931.966.309

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Ngày 01/01/2022	759.194.656.667	4.058.473.389	501.938.586.991	1.740.249.262	1.266.931.966.309
Tăng vốn đầu tư CSH	371.276.992.000	-	-	-	371.276.992.000
Nộp NS lợi nhuận	-	-	-	(1.740.249.262)	(1.740.249.262)
Trích các quỹ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng/2022	-	-	-	3.010.744.394	3.010.744.394
Ngân sách cấp, quyết toán dự án	-	-	(324.289.091.400)	-	(324.289.091.400)
Ngày 30/06/2022	1.130.471.648.667	4.058.473.389	177.649.495.591	3.010.744.394	1.315.190.362.041

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu (hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác)	19.323.387.474	19.658.032.806
- Doanh thu hoạt động kinh doanh	127.980.000	106.369.840
- Doanh thu (NSNN hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	22.951.367.474	23.264.402.646
2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn của hoạt động thủy lợi	14.238.732.565	14.465.047.333
Giá vốn của hoạt động kinh doanh	118.980.000	97.695.000
Cộng	14.357.712.565	14.562.742.333
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27.133.832	-
Doanh thu hoạt động tài chính	150.000.000	178.092.144
Cộng	177.133.832	178.092.144

4. Chi phí Quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí cho nhân viên	3.758.786.036	3.322.441.923
Chi phí vật liệu quản lý	284.399.130	234.179.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	321.915.120	199.795.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.177.913	159.631.812
Thuế, phí và lệ phí	61.218.851	48.843.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.219.877	383.281.344
Chi phí bằng tiền khác	657.333.002	1.334.587.000
Cộng	5.692.049.929	5.682.759.674
5. Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thanh lý tài sản	8.865.000	-
Thu nhập khác	675.826.681	107.952.354
Cộng	684.691.681	107.952.354
6. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.763.430.493	3.304.945.137
Điều chỉnh giảm		-
Điều chỉnh tăng		-
Thu nhập chịu thuế	3.763.430.493	3.304.945.137
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		-
Thu nhập tính thuế	3.763.430.493	3.304.945.137
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	752.686.099	660.989.027
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	752.686.099	660.989.027
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	752.686.099	660.989.027

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản và nợ tiềm tàng

Cho đến ngày phát hành báo cáo này Công ty không có tài sản tiềm tàng cũng như nợ tiềm tàng.

2. Các khoản cam kết

Cho đến ngày phát hành báo cáo này Công ty không có các cam kết làm phát sinh nghĩa vụ ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mà chưa được điều chỉnh trong báo cáo.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Chủ sở hữu
Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	6 tháng đầu năm 2022
Ngân sách cấp	10.591.705.600
Cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10.591.705.600
Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban Giám đốc	711.236.000
Tiền lương	711.236.000

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Biên Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Phạm Thị Hà

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Kế toán trưởng

Dương Xuân Sơn

Giám đốc